

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LAI CHÂU
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS- ST

Ngày: 19-5-2022

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Nga

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Thái Sơn

2. Bà Hà Thị Liên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu

Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Xuân- Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-DS ngày 23/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-DS ngày 19/4/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị X, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: Bản T, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Có mặt tại phiên tòa).

- *Bị đơn:* Bà Giàng Thị N, sinh năm: 1968; Địa chỉ: Bản T, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt không có lý do); ông Vui Văn V, sinh năm 1967 (Đã chết ngày 06/01/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị X trình bày:***

Bà và gia đình ông Vui Văn V, bà Giàng Thị N có quen biết nhau nên bà và ông bà Vân Niêng có thỏa thuận với nhau là ông bà Vân Niêng bán cho bà 01 thửa đất phía sau nhà ông bà với giá 200.000.000 đồng, nên bà có đưa trước cho bà N số tiền

là 200.000.000 đồng. Sau đó việc mua bán không thành nên bà X có đòi lại số tiền đã đưa cho bà N nhưng ông bà Vân Niềng hiện tại lúc đó không có tiền để trả cho bà, nên hai bên đã thỏa thuận với nhau về việc làm hợp đồng vay tiền và được công chứng tại Văn Phòng công chứng Nguyễn Văn Thúc, địa chỉ số 091, đường Điện Biên Phủ, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu (này là Văn phòng công chứng Trần Danh Minh), số công chứng 1078 quyền: 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/10/2017 với nội dung thỏa thuận: Bên cho vay bà Phạm Thị X có cho bên vay là ông Vui Văn V và bà Giàng Thị N vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất vay 1%/tháng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 12/10/2017 đến ngày 12/4/2018. Sau khi hết thời hạn vay theo như hợp đồng đã ký kết bà đã nhiều lần yêu cầu ông bà Vân Niềng trả số tiền trên nhưng ông bà Vân Niềng nhiều lần hứa hẹn trả nhưng vẫn không trả cho bà. Sau đó bà N đã đi khỏi địa phương không rõ đi đâu.

Do đó, bà X yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Vui Văn V và bà Giàng Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất là 1%/ tháng kể từ ngày 12/10/2017 đến ngày 13/12/2020 (tổng số là 36 tháng) với số tiền là 76.000.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 276.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bà X có yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự về việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Giàng Thị N.

Do ông Vui Văn V (chồng bà N) đã chết và tại phiên tòa hôm nay bà X vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Giàng Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi suất là 1%/ tháng kể từ ngày 12/10/2017 đến ngày xét xử ngày 10/5/2022 (tổng là 54 tháng 28 ngày). Cụ thể: 200.000.000 đồng x 1%/ tháng x 54 tháng 28 ngày = 109.866.667 đồng. Tổng cộng là 309.866.667 đồng.

**** LỜI KHAI CỦA BỊ ĐƠN ÔNG VUI VĂN V LÚC CÒN SỐNG ÔNG VÂN TRÌNH BÀY:***

Gia đình ông và gia đình bà Phạm Thị X là hàng xóm với nhau nên bà N (vợ ông) có trao đổi và thỏa thuận với bà X sẽ bán cho gia đình bà X 01 thửa đất phía sau nhà ông bà, còn việc bán thửa đất với giá bao nhiêu tiền thì ông không biết vì việc này bà X và bà N trực tiếp trao đổi với nhau, bà X có đưa cho bà N một số tiền, còn việc bà X đưa tiền trước cho bà N số tiền là bao nhiêu tiền thì ông không biết. Sau đó việc mua bán đất không thành nên bà X có đòi lại số tiền đã đưa cho bà N nhưng lúc đó bà N không có tiền để trả cho bà X. Nên giữa bà N và bà X có trao đổi với nhau làm hợp đồng vay tiền tại văn phòng công chứng, sau đó bà N và bà X có gọi ông ra để ký vào hợp đồng vay tiền. Việc vay số tiền cụ thể là bao nhiêu ông không biết. Vì vậy việc bà X khởi kiện yêu cầu ông và bà Giàng Thị N phải trả cho bà X số tiền là 276.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 12/10/2017 đến ngày 13/12/2020 với số tiền là 76.000.000 đồng. Hiện nay vợ ông là bà Giàng Thị N đã bỏ đi khỏi nhà, không biết đi đâu làm gì khi đi không thông báo cho ông và các con trong gia đình biết nên việc bà X yêu cầu ông bà trả số tiền trên ông muốn chờ bà N về để trao đổi thống nhất với nhau về phương án trả nợ cho bà X.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán được phân công. Tiến hành thụ lý vụ án đúng trình tự, thủ tục và gửi thông báo thụ lý vụ án đúng thời hạn quy định; xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; thu thập chứng cứ khách quan, công khai; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo. Hội đồng xét xử đã xét xử vụ án đúng nguyên tắc, thành phần. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 117, 119, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị X buộc bà Giàng Thị N có nghĩa vụ trả nợ số tiền là gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 12/10/2017 đến ngày 10/5/2022 theo thỏa thuận là 01%/tháng bằng $200.000.000 \times 1\% \times 54 \text{ tháng} = 109.866.667$ đồng.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Tòa án ghi nhận và giải thích về quyền yêu cầu thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn bà Phạm Thị X và bị đơn ông Vui Văn V, bà Giàng Thị N, có địa chỉ Bản T, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Giàng Thị N đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Giàng Thị N.

[3] Về nội dung vụ án

[3.1] Xét hợp đồng vay tài sản giữa các bên:

Hợp đồng vay tiền ngày 12/10/2017 giữa bà Phạm Thị X với ông Vui Văn V và bà Giàng Thị N. Các bên thỏa thuận: Bên cho vay bà Phạm Thị X có cho bên vay là ông Vui Văn V và bà Giàng Thị N vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất vay 1%/tháng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 12/10/2017 đến ngày 12/4/2018. Hết thời hạn 06 tháng kể từ ngày 12/10/2017, ông bà Vân Niêng không thực hiện nghĩa vụ theo như hợp đồng đã thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao kết thỏa thuận hợp đồng được thực hiện bằng văn bản (Hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn Phòng công chứng Nguyễn Văn Thúc, địa chỉ số 091, đường Điện Biên Phủ, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu (nay là Văn phòng công chứng Trần Danh Minh, số công chứng 1078 quyền: 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/10/2017), có công chứng viên; các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm; chữ ký và dấu điểm chỉ đều do các bên hoàn toàn tự nguyện ký và điểm chỉ vào hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án lấy lời khai bị đơn ông Vui Văn V, ông Vân cũng thừa nhận giữa bà N (vợ ông Vân) và bà X có thỏa thuận mua bán đất, bà X đã đưa cho bà N một khoản tiền nhưng sau đó việc mua bán không thành nên bà X đòi lại số tiền đã đưa cho bà N, sau đó ông Vân cũng đã cùng đến Văn phòng công chứng để ký vào hợp đồng vay tiền. Do đó, về hình thức, nội dung thực hiện giao kết hợp đồng là đảm bảo theo quy định tại Điều 117, 119 Bộ luật dân sự. Vì vậy, khẳng định ông Vân và bà N có vay tiền của bà X số tiền 200.000.000 đồng.

[3.2] Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương bị đơn bà Giàng Thị N không có mặt tại nơi cư trú từ đầu năm 2020. Ngày 09/7/2021 Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu đã ra quyết định số 01/2021/QĐ-TA thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Giàng Thị N trên các phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương theo quy định của pháp luật nhưng sau 04 tháng thông báo nhưng vẫn không có tin tức gì của bà N. Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành ghi nhận ý kiến được. Như vậy, bà Giàng Thị N đã từ bỏ quyền chứng minh chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3.3] Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương bị đơn ông Vui Văn V đã chết vào lúc 14 giờ ngày 06/01/2022 tại nhà Bản T, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Có trích lục khai tử).

[4] Về lãi suất: Hợp đồng vay tiền ngày 12/10/2017 các bên thỏa thuận lãi suất 1%/ tháng và bà X yêu cầu bà N trả tiền lãi suất là 1%/ tháng kể từ ngày 12/10/2017 đến ngày xét xử ngày 10/5/2022 (tổng là 54 tháng 28 ngày). Cụ thể: 200.000.000 đồng x 1%/ tháng x 54 tháng 28 ngày = 109.866.667 đồng. Xét yêu cầu

của bà X là có căn cứ theo hợp đồng đã thỏa thuận giữa các bên và phù hợp với quy định của pháp luật về lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Vì vậy, có căn chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và số tiền lãi theo thỏa thuận 01%/tháng tính từ ngày 12/10/2017 đến ngày xét xử 10/5/2022 tương đương 54 tháng 28 ngày.

Do ông Vui Văn V đã chết ngày 06/01/2022. Vì vậy, bà Giàng Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị X số tiền 309.866.667 đồng. Trong đó: Số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi suất là 109.866.667 đồng.

[5] Về án phí: Bị đơn bà Giàng Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu được Tòa án chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị X số tiền 6.900.000 đồng (*Sáu triệu chín trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0000545 ngày 04/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273, 483 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 117, 119, 357, 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị X đối với bà Giàng Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Giàng Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị X số tiền là 309.866.667 đồng (*Ba trăm linh chín triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*). Trong đó: Số tiền gốc 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và tiền lãi suất là 109.866.667 đồng (*Một trăm linh chín triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).

[2] Về án phí: Buộc bà Giàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.493.333 đồng (*Bằng chữ: Mười lăm triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

Bà Phạm Thị X được hoàn lại số tiền 6.900.000 đồng (*Sáu triệu chín trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0000545 ngày 04/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa trả số tiền này cho nguyên đơn thì còn phải chịu lãi theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước đối với số tiền vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) chưa thanh toán tại thời điểm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Nga

